

Bản án số: 43/2020/HS-ST
Ngày 29 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thuý và bà Nguyễn Thị Ngọc Ngà

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Ông Vũ Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 6 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1997; sinh trú quán: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T, con bà Ngân Thị H; có vợ là Trần Thị G và có 02 con đều sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2020 cho đến nay, (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngân Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Đăng D. (Vắng mặt).

+ Anh Trần Văn Q. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 19/4/2020, Nguyễn Văn N sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave@, BKS 88D1-31129 mang theo 02 gói ma túy đá ra khu vực Quảng trường thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thành phố O, tỉnh Vĩnh Phúc để bán cho những đối tượng nghiện ma túy để kiếm lời. Tại đây, N có gặp Nguyễn Thị U sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đang đi cùng anh Nguyễn Đăng D sinh năm 1990, trú tại thôn E, xã A, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc. Do có nhu cầu sử dụng ma túy đá cho bản thân nên U đã đến gặp N và hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. N đồng ý bán ma túy cho U. U đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. N cầm tiền và định lấy 01 gói ma túy đá để giao cho U thì lực lượng công an phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật. Thu trong túi quần bên trái, phía trước của Nguyễn Văn N 02 gói nilon màu trắng, bên trong đều có chứa các hạt tinh thể dạng đá. N khai nhận đây là 02 gói ma túy đá của N đem bán, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A1; 01 chiếc điện thoại di động NOKIA vỏ màu đen, đã cũ và 500.000 đồng là tiền U đưa cho N để mua ma túy. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave@, BKS 88D1-31129 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy đã mang tên Ngân Thị H SN 1978, ở Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn N nhưng không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì

Tại bản Kết luận giám định số: 860/KLGD, ngày 23/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,6776 gam loại Methamphetamine

Quá trình điều tra đã làm rõ: Ngoài lần bán ma túy cho Nguyễn Thị U bị bắt quả tang nêu trên, Nguyễn Văn N còn bán ma túy đá Methamphetamine cho Nguyễn Thị U 01 lần khác nữa. Cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 18/4/2020, N một mình đi xe mô tô BKS 88D1-31129 mang theo 01 gói ma túy đá (Methamphetamine) ra khu vực Quảng trường thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thành phố O để bán kiếm lời. Tại đây, N có gặp Nguyễn Thị U. Do có nhu cầu sử dụng ma túy đá cho bản thân nên U đã đến gặp N và hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. N đồng ý bán ma túy cho U. U đưa cho N 500.000 đồng. N cầm tiền và bán cho U 01 gói ma túy đá (Methamphetamine). Sau đó, U cầm gói ma túy đem về sử dụng hết cho bản thân.

Ngoài ra, Nguyễn Văn N còn khai nhận đã bán ma túy đá cho một số đối tượng nghiện khác ở thành phố O nhưng N không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của những đối tượng này. Do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Tại Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P1 ngày 15/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Nguyễn Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Văn N; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/4/2020; phù hợp với vật chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 19/4/2020, tại khu vực Quảng trường tỉnh Vĩnh Phúc thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thành phố O, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn N có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy Methamphetamine cho Nguyễn Thị U với giá 500.000 đồng thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật gồm: 02 gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 0,6776g (Không phải sáu bảy bảy gam) và số tiền 500.000 đồng là tiền U đưa cho N để mua ma túy.

Ngoài lần bán ma túy nêu trên, Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị U còn khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 18/4/2020, tại khu vực Quảng trường tỉnh Vĩnh Phúc thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thành phố O, Nguyễn Văn N đã bán cho Nguyễn

Thị U 01 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy U đã đem về sử dụng hết cho bản thân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, cụ thể điều luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội hai lần trở lên ”

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P1 ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính. Hành vi phạm tội của bị cáo đã góp phần quan trọng để tệ nạn ma túy gia tăng, gây hiểm họa cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người và phá hoại hạnh phúc của nhiều gia đình. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, do đó, chỉ cần phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo là không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Nguyễn Văn N khai nhận, khoảng 19 giờ ngày 13/4/2020, tại đoạn đường I, quận F, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn N mua 01 gói ma túy đá với giá 3.000.000 đồng của một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ ở đâu, sau đó, N chia gói ma túy thành nhiều gói nhỏ để bán kiếm lời. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người đàn ông đã bán ma túy cho N, vì vậy, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[7] Đối với Nguyễn Thị U có hành vi mua trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi nêu trên của U không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 06/5/2020, Công an tỉnh Vĩnh phúc đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt 500.000 đ đối với U về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng phù hợp.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với các vật chứng được sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có cần tịch thu, truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α , biển kiểm soát 88D1 - 31129 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe. Quá trình điều tra xác định là tài sản và giấy tờ thuộc sở hữu của bà Ngân Thị H là mẹ đẻ của N. Khi N mượn xe máy, bà H không biết N sử dụng để đi bán trái phép chất ma túy. Do đó, ngày 13/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại tài sản và các giấy tờ trên cho bà H là có căn cứ.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19 tháng 4 năm 2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,5783g (Không phải năm bảy tám ba gam) Methamphetamine cùng bao gói được niêm phong trong một bao giấy “MẪU TRẢ” do cơ quan giám định hoàn lại;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn N;

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Nguyễn Văn N do bán ma túy cho Nguyễn Thị U vào ngày 18 tháng 4 năm 2020.

- Trả lại Nguyễn Văn N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

(Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà